

UBND HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG MN THỊ TRẦN CỬ CHI 3

THÔNG KÊ TÌNH HÌNH HỌC SINH 2023-2024

III.	Trẻ em	Đơn vị tính	Mã số	Tổng số			
				Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số	
						Tổng	Nữ
	A	B	C	1	2	3	4
3.1.	Quy mô trẻ	người	87	533	254	2	
3.1.1.	Trẻ em nhà trẻ	người	88	51	30	1	
	Chia ra theo vùng:						
	- Trung du, đồng bằng, thành phố	người	89	51	30	1	
	- Miền núi, vùng sâu, hải đảo	người	90				
	Trong đó						
	- Học 2 buổi/ngày	người	91	51	30	1	
	- Bán trú (có tổ chức ăn trưa)	người	92	51	30	1	
	- Khuyết tật học hòa nhập	người	93				
	- Học trong nhóm trẻ độc lập	người	94				
3.1.2.	Trẻ em mẫu giáo	người	95	482	224	1	
	Chia ra theo vùng:						
	- Trung du, đồng bằng, thành phố	người	96	482	224	1	
	- Miền núi, vùng sâu, hải đảo	người	97				
	Trong đó						
	- Học 2 buổi/ngày	người	98	480	223	1	
	- Bán trú (có tổ chức ăn trưa)	người	99	482	224	1	
	- Khuyết tật học hòa nhập	người	100	1			
	- Học trong lớp mẫu giáo độc lập	người	101				
	- Học trong lớp mẫu giáo 5 tuổi	người	102	195	91	1	
3.2.	Quy mô trẻ chia theo độ tuổi			533	254	2	
3.2.1.	Trẻ em nhà trẻ	người	103	51	30	1	
	- Trẻ từ 3 đến 12 tháng	người	104				
	- Trẻ từ 13 đến 24 tháng	người	105	14	6		
	- Trẻ từ 25 đến 36 tháng	người	106	37	24	1	
	- Trẻ trên 36 tháng	người	107				
3.2.2.	Trẻ em mẫu giáo	người	108	482	224	1	
	- Trẻ dưới 3 tuổi	người	109				
	- Trẻ từ 3 đến 4 tuổi	người	110	131	60		
	- Trẻ từ 4 đến 5 tuổi	người	111	156	73		
	- Trẻ từ 5 đến 6 tuổi	người	112	194	91	1	
	- Trẻ trên 6 tuổi	người	113	1			
3.3.	Tình trạng dinh dưỡng trẻ em			533	254	2	
3.3.1.	Trẻ em nhà trẻ được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng	người	114	50	30	1	
	Trong đó:						
	- Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	người	115	4	4		
	- Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	người	116	6	5		
	- Trẻ suy dinh dưỡng thể còi cọc	người	117	1	1		
	- Trẻ thừa cân, béo phì	người	118	5	3		

3.3.2.	Trẻ em mẫu giáo được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng	người	119	479	223	1	
	Trong đó:						
	- Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	người	120	8	5		
	- Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	người	121	16	7		
	- Trẻ suy dinh dưỡng thể còi cọc	người	122	8	5		
	- Trẻ thừa cân, béo phì	người	123	129	54		
3.4.	Trẻ em thuộc đối tượng chính sách			4	1	1	
3.4.1	Trẻ em mẫu giáo được miễn học phí	người	124	4	1	1	
3.4.2	Trẻ em mẫu giáo được giảm học phí	người	125				
3.4.3	Trẻ em mẫu giáo hỗ trợ chi phí học tập	người	126	3	1		
3.4.4	- Trẻ em dân tộc thiểu số rất ít người được hỗ trợ học tập	người	127				
3.4.5	Trẻ em mẫu giáo được hỗ trợ ăn trưa	người	128	3	1		
3.4.6	Trẻ em học lớp mẫu giáo 5 tuổi được miễn học phí	người	129	3		1	


HIỆU TRƯỞNG
Lê Thị Hồng Thủy